

## Bảng dữ liệu an toàn

### n-Butanol

Phiên bản 1.00

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất  
07.12.2022

#### Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

**Định dạng sản phẩm**

**Tên thương mại** n-Butanol

**Từ đồng nghĩa** 1-Hydroxybutane, Methylolpropane, n-Butan-1-ol, Propylcarbinol, 1-Butanol; Butyl alcohol.

**Mã sản phẩm** 3100

**Số CAS** 71-36-3

**Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:**

**Sử dụng** Dung môi Sử dụng công nghiệp.

**Các sử dụng nên tránh** Bị cấm sử dụng trong sản xuất nước rửa tay

**Nhà sản xuất / Nhà cung cấp thông tin chi tiết**

**Công ty** Sasol Chemicals, a division of Sasol South Africa Ltd

**Địa chỉ** Sasol Place, 50 Katherine Street  
Sandton  
2090  
South Africa

**Điện thoại** +27103445000

**Địa chỉ e-mail** sasolchem.info.sa@sasol.com

**Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp** +44 (0)1235 239 670 (Europe, Israel, Africa, Americas)  
+44(0)1235 239 671 (Middle East, Arabic African countries)  
+65 3158 1074 (Asia Pacific)

## Bảng dữ liệu an toàn

### n-Butanol

Phiên bản 1.00

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất  
07.12.2022

+86 400 120 6011 (China)

+27 (0)17 610 4444 (South Africa)

0800 112 890 RSA-Local only

+61 (2) 8014 4558 (Australia)

## Phần 2. Phần 2: Nhận dạng nguy cơ

Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

Phân loại theo GHS

**Nghị định của Chính phủ Số 108/2008/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hoá chất, Thông tư số 04/2012/TT-BCT của Bộ Công thương : Quy định phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS 2009)**

**Phân loại**

Chất lỏng dễ cháy

Cấp 3

Độc tính cấp theo đường miệng

Cấp 4

Ăn mòn/kích ứng da

Cấp 2

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Cấp 1

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn

Cấp 3

**Các yếu tố nhãn theo GHS**

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo :

Nguy hiểm

Ngày in 07.12.2022

100000000463

2/15

## Bảng dữ liệu an toàn

### n-Butanol

Phiên bản 1.00

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất  
07.12.2022

#### Cảnh báo nguy hiểm

- : H226 Hơi và chất lỏng dễ cháy.
- H302 Có hại nếu nuốt phải.
- H315 Gây kích ứng da.
- H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
- H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.

#### Các lưu ý phòng ngừa

- : **Biện pháp phòng ngừa:**
  - P210 Để xa các nguồn nhiệt/tia lửa/lửa /các bề mặt nóng. - Không hút thuốc.
  - P233 Đóng chặt thùng chứa.
  - P240 Tiếp đất/ liên kết tất cả các thùng chứa và thiết bị thu nhận.
  - P241 Sử dụng các thiết bị điện/ thông gió/ chiếu sáng/ chống cháy nổ.
  - P242 Sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa điện.
  - P243 Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh điện.
  - P261 Tránh hít bụi/ khói/ khí/ sương/ hơi/ bụi nước.
  - P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.
  - P264 Rửa sạch khu vực liên lạc sau khi xử lý.
  - P270 Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.

#### **Biện pháp ứng phó:**

- P303 + P361 + P353 NẾU TIẾP XÚC LÊN DA (hoặc tóc): Nhanh chóng cởi bỏ tất cả quần áo bị nhiễm hoá chất. Rửa sạch da bằng nước/ vòi sen.
- P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận

## Bảng dữ liệu an toàn

### n-Butanol

Phiên bản 1.00

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất  
07.12.2022

bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P304 + P340 NẾU HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân ra nơi thoáng khí và giữ nghỉ ngơi ở tư thế dễ thở.

P370 + P378 Trong trường hợp cháy: Sử dụng cát, hóa chất khô hoặc bột chịu cồn để dập tắt.

P302 + P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng thật nhiều nước.

P337 + P317 Nếu kích ứng mắt tiếp tục kéo dài: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

P332 + P317 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

P301 + P316 NẾU NUỐT PHẢI: Xin cấp cứu y tế ngay lập tức.

#### Lưu trữ:

P403 + P235 Lưu trữ ở nơi có sự thông thoáng tốt. Giữ sản phẩm ở nhiệt độ mát.

P405 Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.

#### Việc thải bỏ:

P501 Xử lý thùng chứa/ hóa chất cho một cơ sở đã được phê duyệt theo quy định của địa phương, vùng, quốc gia và quốc tế.

#### Các nguy cơ khác

Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

## Bảng dữ liệu an toàn

### n-Butanol

Phiên bản 1.00

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất  
07.12.2022

## Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

### THÀNH PHẦN ĐỘC HẠI

#### Butan-1-ol

Thành phần: 100.00 %W/W

Số CAS 71-36-3

Chỉ số-Số 603-004-00-6

Số EC 200-751-6

Cảnh báo nguy hiểm *H226 H302 H315 H318 H335*

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

## Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

### Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

|                  |                                                                                                                                                                                                                                      |
|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hít phải         | Di chuyển ra chỗ không khí trong lành trong trường hợp hít phải hơi. Trong trường hợp khó thở, cung cấp oxy. Nếu thấy thở ngắt quãng hoặc ngừng thở, hãy tiến hành hô hấp nhân tạo. Gọi bác sĩ ngay lập tức.                         |
| Tiếp xúc với da  | Ngay lập tức rửa sạch bằng thật nhiều nước trong ít nhất 15 phút. Gọi bác sĩ ngay lập tức.                                                                                                                                           |
| Tiếp xúc với mắt | Ngay lập tức rửa bằng thật nhiều nước, và cả các mí mắt, trong ít nhất 15 phút. Gỡ bỏ kính áp tròng. Gọi bác sĩ ngay lập tức.                                                                                                        |
| Ăn uống          | Nếu nuốt phải, ngay lập tức phải xin ý kiến của thầy thuốc và đưa thiết bị chứa đựng hoặc nhãn của nó cho thầy thuốc xem. Không được gây nôn mà không có chỉ dẫn của bác sĩ. Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. |

## Bảng dữ liệu an toàn

### n-Butanol

Phiên bản 1.00

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất  
07.12.2022

Các triệu chứng/ảnh hưởng quan trọng nhất, cấp tính và lâu dài

Tham khảo Phần 11

#### Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

|                                                       |                                                                                                         |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Các phương tiện chữa cháy phù hợp                     | Bụi nước. Bột khô. Bột chịu cồn.                                                                        |
| Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp | Ngon lửa có thể cháy lùi qua một khoảng cách đáng kể. Không để nước chữa cháy chảy xuống cống và ao hồ. |
| Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa        | Mặc bộ đồ bảo hộ và các dụng cụ hô hấp cá nhân.                                                         |

#### Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

|                            |                                                                                                                                                                                                                       |
|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Phòng ngừa cá nhân         | Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân. Không hít hơi hoặc bụi sương. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Để xa các nguồn cháy - không hút thuốc. Sử dụng các dụng cụ không gây ra tia lửa điện. Tắt tất cả các nguồn đánh lửa. |
| Các cảnh báo về môi trường | Tránh để thấm xuống lớp đất dưới. Không xả vào nguồn nước mặt hay hệ thống cống vệ sinh.                                                                                                                              |
| Các phương pháp làm sạch   | Hút khô bằng các vật liệu hút nước trơ (ví dụ như cát, silicagen, chất liên kết axit, chất liên kết phổ thông, mùn cưa). Loại bỏ                                                                                      |

## Bảng dữ liệu an toàn

### n-Butanol

Phiên bản 1.00

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất  
07.12.2022

theo quy định của địa phương

Xem các mục khác

Tham khảo Phần

8 và 13

## Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

|                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Lời khuyên xử lý an toàn                             | Mặc các thiết bị bảo hộ cá nhân. Tránh tiếp xúc với da và mắt.<br>Đề xa các nguồn cháy - không hút thuốc. Cung cấp đủ sự trao đổi không khí và/hoặc ống xả khí trong các phòng làm việc.<br>Thực hiện các biện pháp phòng ngừa chống phóng tĩnh điện Đảm bảo tất cả các thiết bị được nối đất trước khi bắt đầu di chuyển. |
| Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ                   | Sử dụng thiết bị chống cháy nổ. Cung cấp đủ sự trao đổi không khí và/hoặc ống xả khí trong các phòng làm việc. Đề xa các nguồn cháy - không hút thuốc.                                                                                                                                                                     |
| Các yêu cầu đối với khu vực lưu trữ và thiết bị chứa | Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi mát mẻ và thông gió tốt. Đề xa các nguồn cháy - không hút thuốc.                                                                                                                                                                                                                           |
| Lời khuyên cho việc lưu trữ thông thường             | chưa có dữ liệu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

## Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

### GIỚI HẠN PHƠI NHIỄM NGHỀ NGHIỆP QUỐC GIA

| Thành phần | Loại | Các thông số kiểm soát | Cập nhật | Cơ sở |
|------------|------|------------------------|----------|-------|
|------------|------|------------------------|----------|-------|

## Bảng dữ liệu an toàn

### n-Butanol

Phiên bản 1.00

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất  
07.12.2022

|          |      |                       |         |              |
|----------|------|-----------------------|---------|--------------|
| BUTANOLS | TWA  | 150 mg/m <sup>3</sup> | 10 2002 | Vietnam OELs |
| BUTANOLS | STEL | 250 mg/m <sup>3</sup> | 10 2002 | Vietnam OELs |

#### Kiểm soát phơi nhiễm

##### Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp

Cung cấp đủ sự trao đổi không khí và/hoặc ống xả khí trong các phòng làm việc.

##### Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

###### Bảo vệ tay

Găng tay phù hợp để tiếp xúc lâu dài:

Vật liệu: cao su butyl

Thời gian thấm: 4 h

Độ dày vật liệu: 0.5 mm

###### Bảo vệ mắt

Kính bảo hộ có tấm chắn bảo vệ hai bên.

###### Bảo vệ da và cơ thể

Bộ quần áo bảo hộ. Giày bảo hộ.

###### Các biện pháp vệ sinh

Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và ngay sau khi thao tác với sản phẩm.

## Phần 9. Các tính chất vật lý và hóa học

#### Thông tin về tính chất vật lý và hóa học

|                         |                               |
|-------------------------|-------------------------------|
| Hình thể                | thể lỏng                      |
| Trạng thái của vật chất | thể lỏng; ở 20 ° C; 1,013 hPa |
| Màu sắc                 | Rõ ràng, Colorless            |
| Mùi đặc trưng           | giống mùi rượu                |

## Bảng dữ liệu an toàn

### n-Butanol

Phiên bản 1.00

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất  
07.12.2022

|                                   |                                              |
|-----------------------------------|----------------------------------------------|
| Ngưỡng mùi                        | chưa có dữ liệu.                             |
| Độ pH                             | Không áp dụng được.                          |
| Điểm/khoảng nóng chảy             | -89.5 ° C                                    |
| Điểm sôi/khoảng sôi               | 118 ° C; ASTM D86                            |
| Điểm cháy                         | 35 ° C; ASTM D 93 - 85; cốc kín;             |
| Tỷ lệ hóa hơi                     | chưa có dữ liệu.                             |
| Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí) | chưa có dữ liệu.                             |
| Nhiệt độ tự bốc cháy              | chưa có dữ liệu.                             |
| Nhiệt độ phân hủy                 | chưa có dữ liệu.                             |
| Giới hạn dưới của cháy nổ         | 1.4 (v)%                                     |
| Giới hạn trên của cháy nổ         | 11.3 (v)%                                    |
| Áp suất hóa hơi                   | 6.67 hPa; 20 ° C                             |
| Tỷ trọng hơi tương đối            | 2.55                                         |
| Mật độ                            | 0.808 g/cm <sup>3</sup> ; 20 ° C; ASTM D4052 |
| Độ hòa tan trong nước             | hòa tan một phần                             |
| Độ nhớt, động học                 | 3.582 m <sup>2</sup> /s; 20 ° C; ASTM D 445  |

### Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

Khả năng phản ứng      Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị.

## Bảng dữ liệu an toàn

### n-Butanol

Phiên bản 1.00

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất  
07.12.2022

|                                                                    |                                                          |
|--------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| <b>Tính ổn định</b>                                                | Ổn định trong các điều kiện thông thường.                |
| <b>Phản ứng nguy hiểm</b>                                          | Hơi có thể tạo hỗn hợp dễ nổ khi tiếp xúc với không khí. |
| <b>Các điều kiện cần tránh</b>                                     | Nhiệt, lửa và tia lửa.                                   |
| <b>Các chất cần tránh bảo quản chung</b>                           | Chất oxy hóa. Các chất khử. Các axit và bazơ             |
| <b>Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy</b> | Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị.        |

## Phần 11. Thông tin độc học

|                                      |                                                                                                                 |
|--------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Độc tính cấp theo đường miệng</b> | Butan-1-ol:<br>LD50 Chuột nhắt: 2,680 mg/kg; Hướng dẫn xét nghiệm OECD 401; GLP: không (giá trị văn học)        |
| <b>Độc tính cấp do hít phải</b>      | Butan-1-ol:<br>LC0 Chuột: Đực và cái; 7 h; hơi; 21.48 mg/l; giá trị văn học                                     |
| <b>Độc tính cấp qua da</b>           | Butan-1-ol:<br>LD50 Thỏ: con đực; 3,430 mg/kg; GLP: không; (giá trị văn học)                                    |
| <b>Kích ứng da</b>                   | Butan-1-ol:<br>Thỏ: Gây kích ứng; Hướng dẫn xét nghiệm OECD 404 GLP: không; (giá trị văn học)                   |
| <b>Kích ứng mắt</b>                  | Butan-1-ol:<br>Thỏ: Gây kích ứng GLP: không; (giá trị văn học)                                                  |
| <b>Tính gây đột biến</b>             | Xét nghiệm Ames: Salmonella typhimurium; có hoặc không có; Không mutagenic; Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471; GLP: |

## Bảng dữ liệu an toàn

### n-Butanol

Phiên bản 1.00

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất  
07.12.2022

không; (giá trị văn học)

Thêm thông tin chưa có dữ liệu.

## Phần 12. Thông tin sinh thái học

**Độc đối với cá** Butan-1-ol:  
Thử nghiệm chảy; Pimephales promelas; 96 h; LC50; 1,730 mg/l; GLP: không; (giá trị văn học)

**Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác** Butan-1-ol:  
Thử nghiệm tĩnh; Daphnia magna; 48 h; EC50; 1,983 mg/l; GLP: không; (giá trị văn học)

**Tính phân hủy sinh học** Butan-1-ol:  
hiếu khí; kích hoạt bùn của một nước thải chủ yếu là nội địa; 3 mg/l; 92 %; 20 d; Dễ phân huỷ sinh học.; GLP: không; giá trị văn học

## Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

**Sản phẩm** Cần phải được xử lý theo quy định của địa phương, khu vực và lập pháp quốc gia.

**Thu gom** Cần loại bỏ bao bì sản phẩm đã qua sử dụng một cách có trách nhiệm và hợp pháp vì sức khỏe, an toàn và môi trường.

## Phần 14. Thông tin vận chuyển

Ngày in 07.12.2022

100000000463

11/15

## Bảng dữ liệu an toàn

### n-Butanol

Phiên bản 1.00

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất  
07.12.2022

#### DG Pictogram



#### ADR

Số hiệu UN: 1120  
Hạng: 3  
Nhóm hàng: III; F1;  
Tên vận chuyển thích hợp: BUTANOLS

#### RID

Số hiệu UN: 1120  
Hạng: 3  
Nhóm hàng: III; F1  
Tên vận chuyển thích hợp: BUTANOLS

#### ADNR

Số hiệu UN: 1120  
Hạng: 3  
Nhóm hàng: III; F1  
Tên vận chuyển thích hợp: BUTANOLS

#### IMDG

## Bảng dữ liệu an toàn

### n-Butanol

Phiên bản 1.00

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất  
07.12.2022

Số hiệu UN: 1120  
Hạng: 3  
EmS: F-E, S-D  
Nhóm hàng: III; NP  
Tên vận chuyển thích hợp: BUTANOLS  
Chất ô nhiễm đại dương NP

#### ICAO/IATA

Số hiệu UN : 1120  
Hạng: 3  
Nhóm hàng: III  
Tên vận chuyển thích hợp: Butanols  
Vận chuyển trong tàu lớn Không liên quan  
theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 Ô nhiễm thể loại: Z  
và Bộ luật IBC

## Phần 15. Thông tin pháp luật

### Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

USA TSCA Inventory

Tất cả các thành phần hóa học được liệt kê trong: USA TSCA  
Inventory (Xem chương 3)

Ngày in 07.12.2022

100000000463

13/15

## Bảng dữ liệu an toàn

### n-Butanol

Phiên bản 1.00

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất  
07.12.2022

|                                                                           |                                                                                                                                     |
|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Canadian Domestic Substances List (DSL)</b>                            | Tất cả các thành phần hóa học được liệt kê trong: Canadian Domestic Substances List (DSL) (Xem chương 3)                            |
| <b>Australian Inv. of Chem. Substances (AICS)</b>                         | Tất cả các thành phần hóa học được liệt kê trong: Australian Inv. of Chem. Substances (AICS) (Xem chương 3)                         |
| <b>New Zealand Inventory of Chemicals (NZIoC)</b>                         | Tất cả các thành phần hóa học được liệt kê trong: New Zealand Inventory of Chemicals (NZIoC) (Xem chương 3)                         |
| <b>Jap. Inv. of Exist. &amp; New Chemicals (ENCS)</b>                     | Tất cả các thành phần hóa học được liệt kê trong: Jap. Inv. of Exist. & New Chemicals (ENCS) (Xem chương 3)                         |
| <b>Japan. Industrial Safety &amp; Health Law (ISHL)</b>                   | Tất cả các thành phần hóa học được liệt kê trong: Japan. Industrial Safety & Health Law (ISHL) (Xem chương 3)                       |
| <b>Korea. Existing Chemicals Inventory (KECI)</b>                         | Tất cả các thành phần hóa học được liệt kê trong: Korea. Existing Chemicals Inventory (KECI) (Xem chương 3)                         |
| <b>Philippines Inventory of Chemicals and Chemical Substances (PICCS)</b> | Tất cả các thành phần hóa học được liệt kê trong: Philippines Inventory of Chemicals and Chemical Substances (PICCS) (Xem chương 3) |
| <b>China Inv. Existing Chemical Substances (IECSC)</b>                    | Tất cả các thành phần hóa học được liệt kê trong: China Inv. Existing Chemical Substances (IECSC) (Xem chương 3)                    |

## Phần 16. Các thông tin khác

Toàn bộ nội dung các phần trình bày - H

H226 Hơi và chất lỏng dễ cháy.

H302 Có hại nếu nuốt phải.

Ngày in 07.12.2022

100000000463

14/15

## Bảng dữ liệu an toàn

### n-Butanol

Phiên bản 1.00

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất  
07.12.2022

H315 Gây kích ứng da.

H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

H335 Có thể gây kích ứng hô hấp.

All reasonable efforts were exercised to compile this SDS in accordance with the Globally Harmonized System of Classification and Labelling of Chemicals (GHS). The SDS only provides information regarding the health, safety and environmental hazards at the date of issue, to facilitate the safe receipt, use and handling of this product in the workplace and does not replace any product information or product specifications. Since Sasol and its subsidiaries cannot anticipate or control all conditions under which this product may be handled, used and received in the workplace, it remains the obligation of each user, receiver or handler to, prior to usage, review this SDS in the context within which this product will be received, handled or used in the workplace. The user, handler or receiver must ensure that the necessary mitigating measures are in place with respect to health and safety. This does not substitute the need or requirement for any relevant risk assessments to be conducted. It further remains the responsibility of the receiver, handler or user to communicate such information to all relevant parties that may be involved in the receipt, use or handling of this product. Although all reasonable efforts were exercised in the compilation of this SDS, Sasol does not expressly warrant the accuracy of<(>,<)> or assume any liability for incomplete information contained herein or any advice given. When this product is sold, risk passes to the purchaser in accordance with the specific terms and conditions of sale.